TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS -ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Cử
2. Bà: Trần Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân: Bà Giang Thị Quỳnh Loan, kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST- DS ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1968, địa chỉ xóm Phú Mỹ, xã Y Ph, huyện Y M, tỉnh N B. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng Anh T - ông Phạm Đức H, luật sư văn phòng luật sư Đức H thuộc đoàn luật sư tỉnh N B. Có mặt anh T, ông H.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành Ch, sinh năm 1985 và chị Trần Thị H, sinh năm 1989 đều cùng địa chỉ xóm Ph M, xã Y Ph, huyện Y M, tỉnh N B. Có mặt anh Ch, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hoàng Anh T trình bày: Do có quan hệ hàng xóm nên vào năm 2016 vợ chồng anh Ch chị H có đến nhà anh vay tiền để kinh doanh cây cảnh và làm ăn cầm đồ (do biết anh Ch có giấy phép kinh doanh cầm đồ) nên anh đã cho anh Ch chị H vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Giấy

vay tiền có cả anh Ch và chị H cùng ký. Sau đó anh Ch đến nhà vay tiếp vài lần lên tổng số nợ cũ và mới thành 1.220.000.000đồng (một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) anh Ch hẹn đến ngày 15/10/2008 sẽ trả, hai bên thống nhất các giấy tờ vay nợ cũ hủy đi. Tuy nhiên còn giấy vay 400.000.000đồng mà anh Ch chị H cùng ký anh vẫn giữ lại, với mục đích nếu sau nay có ý kiến khác thì anh chứng minh vợ chồng anh Ch chị H cùng vay tiền của anh để kinh doanh. Đến thời hạn thanh toán, nhiều lần anh đòi yêu cầu anh Ch chị H trả nợ nhưng anh Ch chị H không trả. Trong số tiền 1.220.000.000đ mà anh Ch ký nợ có số tiền 320.000.000đồng là tiền anh là người trực tiếp cho anh Nh ở thành phố Ninh Bình vay, nhưng do không có điều kiện đi đòi nợ của anh Nh và được anh Ch có nói đang có nhiều người ở Ninh Bình nên anh Ch có đặt vấn đề để anh ấy đòi luôn cho. Ba bên đã thống nhất (gồm anh T, anh Nh và Ch) thỏa thuận khoản nợ mà anh Nh vay của anh 320.000.000đồng, anh Nh có trách nhiệm thanh toán cho anh Ch, anh Ch có trách nhiệm trả cho anh, vì vậy giấy vay giữa anh với anh Nh anh đã hủy. Từ việc nhận nợ từ anh Nh, nên anh Ch mới ký nhận nợ với anh với tổng số tiền 1.220.000.000đ. Trước khi hòa giải, kiểm tra chứng cứ anh T rút khoản tiền chuyển giao nghĩa vụ giữa anh với anh Nh và anh Ch số tiền 320.000.000đ và chỉ yêu cầu chị H anh Ch phải thanh toán cho anh số tiền còn nợ gốc là 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng), riêng về lãi suất anh không yêu cầu phải tính lãi của số tiền trên.

+ Bị đơn anh Lê Thành Ch trình bày: Vào ngày 16/5/2016 vợ chồng anh có vay anh T số tiền 400.000.000đồng để làm ăn, và hẹn 2 tháng sẽ trả. Sau 2 tháng đúng như cam kết vợ anh đã đưa cho anh số tiền 400.000.000 đồng để trả cho anh T, khi thanh toán tiền cho anh T, anh không lấy lại giấy vay tiền. Anh Ch xác nhận có ký vào hợp đồng vay tiền ngày 15/4/2018 với số tiền là 1.220.000.000 đồng, trong số tiền 1.220.000.000 đồng có số tiền 320.000.000 đồng là tiền anh T cho anh Nh vay, do anh T không đòi được từ anh Nh, nên anh có nói để anh đòi giúp nên ba bên gồm (Anh và anh T, anh Nh) thỏa thuận khoản nợ mà anh Nh vay của anh T 320.000.000 đồng, anh Nh có trách nhiệm thanh toán cho anh, anh có trách nhiệm trả cho anh T, còn số tiền 900.000.000 đồng là tiền anh đi làm lãi suất cho anh T, khi nào khách trả cho anh thì anh sẽ trả cho anh T.

Việc anh T nói vợ anh là chị Hà có cùng chung nghĩa vụ trả nợ cho anh T, anh không đồng ý, vì chị H không liên quan đến khoản tiền 900.000.000 đồng là tiền anh đi làm lãi cho anh T.

Tại phiên tòa Trần Thị H trình bày: Năm 2016 anh Ch và chị có vay anh T khoản tiền 400.000.000 đồng và ký vào giấy ngày 16/5/2016, hẹn sau hai tháng sẽ trả. Đến hạn chị đã đưa số tiền 400.000.000 đồng cho anh Ch để anh Ch trả nợ cho chú T, sau đó chị có hỏi giấy vay nợ đâu thì anh Ch nói chưa lấy và do anh Ch đang làm ăn chung với chú T nên tin tưởng không lấy lại giấy vay nợ ngày 16/5/2016, còn lại giữa anh Ch và ông T làm ăn với nhau thì chị không tham gia, đối với số tiền 1.220.000.000 đồng chị không biết.

Đại diện viện kiểm sát huyện Yên Mô tham gia phiên tòa phát biểu: Về thẩm

quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và xác định tư các của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Từ cơ sở nội dung vụ án căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Anh T về buộc anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H phải trả cho anh Hoàng Anh T, số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); anh Lê Thành Ch phải trả cho anh Hoàng Anh T số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Hoàng Anh T đề nghị việc anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H phải trả khoản tiền 320.000.000 đồng, do anh Hoàng Anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H phải liên đới chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo phần mỗi người phải chịu 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) và Anh Lê Thành Ch phải chịu án phí của khoản tiền vay riêng, số tiền án phí dân sự là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng)

Anh Hoàng Anh T không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006338 ngày 17/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của anh T trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Anh T về buộc anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H phải trả cho anh Hoàng Anh T, số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải và công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh trong xã hội thường ngày về quan hệ vay tài sản được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ dân sự về việc vay mượn tiền diễn ra trong khoảng thời gian dài, vào ngày 16/5/2016 vợ chồng anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H có vay của anh Hoàng Anh T số tiền 400.000.000 đồng, hẹn đến ngày 16/6/2016 dương lịch sẽ thanh toán cho anh T. Sau đó nhiều lần khác anh Ch đến vay tiền của anh T cộng cả số tiền 400.000.000 đồng nợ cũ thành 900.000.000 đồng.

Ngoài số tiền 900 triệu đồng trên, vào năm 2018 anh T còn cho anh Nh là bạn anh T vay số tiền 320.000.000 đồng, anh T đòi nhiều lần anh Nh không trả. Theo trình bày của anh T và anh Ch thì giữa anh T và anh Ch có thỏa thuận đối với khoản nợ anh Nh, anh Ch sẽ có trách nhiệm lấy nợ từ anh Nh để trả cho anh T, do tin anh Ch lấy được nợ nên ba bên gồm anh T, anh Ch và anh Nh đã thỏa thuận khoản vay nợ mà anh Nh vay của anh T sẽ chuyển giao, anh Nh nhận nợ với anh Ch, do đó giấy vay tiền của anh Nh với anh T bị hủy đi không liên quan đến anh T, anh Ch có trách nhiệm nhận khoản nợ từ anh Nh để trả cho anh T. Do đó cộng với khoản nợ 900.000.000 đồng thành số tiền 1.220.000.000 đồng từ đó anh Ch đã viết Hợp đồng vay tiền vào ngày 15/4/2018 và anh T hủy giấy vay tiền giữa anh T với anh Nh.

Tại đơn khởi kiện anh T yêu cầu vợ chồng anh Ch chị H phải trả số tiền 1.220.000.000 đồng, trước khi Tòa án tiến hành phiên kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện (anh T rút yêu cầu số tiền 320.000.000 đồng liên quan đến anh Nh) chỉ yêu cầu anh Ch chị H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng cho anh, không yêu cầu Tòa án phải tính lãi đối với khoản vay này.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thành Ch xác định chữ viết và chữ ký trong hợp đồng vay tiền là chữ ký của anh và cho rằng anh chỉ là người đi làm lãi cho anh T, anh T đưa tiền cho anh làm, anh cho người khác vay và có trách nhiệm trả gốc và tiền lãi cho anh T. Việc thỏa thuận nay chỉ bằng lời nói không có giấy tờ. Đối với số tiền vợ chồng anh vay 400.000.000 đồng vào năm 2016, anh đã thanh toán cho anh T, nhưng do tin tưởng chú cháu làm ăn với nhau nên anh không yêu cầu anh T đưa lại giấy vay tiền mà vợ chồng anh đã ký, chị H vợ anh không liên quan đến khoản vay 900.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh T xuất trình một hợp đồng vay tiền ngày 15/4/2018 người vay Lê Thành Ch vay số tiền 1.220.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/10/2018 sẽ thanh toán, lãi suất theo quy định hiện hành và một giấy biên nhận ngày 16/5/2016 với nội dung "vợ chồng Lê Thành Ch, Trần Thị H có vay của chú Hoàng Anh T số tiền 400.000.000 đồng hẹn đến ngày 16/6/2016 sẽ thanh toán" trong giấy biên nhận không thể hiện lãi suất. Ngoài ra nguyên đơn trình bày trong số tiền 1.220.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu có khoản tiền vào năm 2016 anh T có cho anh Phạm Đình Nh quê ở Yên Từ huyện Yên Mô vay nhưng do không có điều kiện đi đòi nợ, anh Ch nói để anh Ch đi đòi anh Nh cho, anh Ch có trách nhiệm trả cho anh cả khoản tiền của anh Nh đã vay nên anh Ch mới ký vào

hợp đồng vay tiền ngày 15/4/2018. Trước khi hòa giải anh T rút yêu cầu đối với số nợ 320.000.000 đồng liên quan đến anh Phạm Đình Nh và yêu cầy anh Ch chị phải trả cho anh số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi của số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vụ việc phát sinh trong đời sống dân sự, trong quan hệ dân sự các bên luôn tôn trọng để mọi quan hệ dân sự được bảo đảm về quyền và nghĩa vụ. Sau khi anh T cho anh Ch chị H vay tiền vào năm 2016 với số tiền gốc 400.000.000 đồng, anh T còn cho anh Ch vay nhiều lần khác với tổng số tiền lên đến 900.000.000 đồng, cộng với khoản tiền anh T cho anh Nh vay 320.000.000 đồng, anh Ch cũng thừa nhận và nói để anh đòi nợ giúp từ anh Nh nên hai bên mới viết Hợp đồng vay tiền để tính tổng số tiền mà anh Ch vay của anh T.

Việc anh Ch khai số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 16/5/2016 mà vợ chồng anh vay của anh T, vợ chồng anh đã trả anh T nhưng không lấy lại giấy vay tiền là không có căn cứ để chấp nhận bởi quan hệ dân sự thì việc một người bình thường trong quan hệ dân sự nguyên tắc khi trả tiền sẽ yêu cầu người cho vay đưa lại giấy vay tiền, hơn nữa chính anh Ch là người có giấy phép về " Kinh doanh cầm đồ" phải hiểu và biết về giao dịch dân sự giữa các bên tham gia giao dịch, khi thanh toán thì phải làm gì để tránh những rắc rối khi tranh chấp sau này. Hơn nữa khi trả số tiền 400.000.000 đồng vào giai đoạn năm 2016 là khoản tiền không nhỏ, không hà cớ gì anh Ch chị H vì một lý do nào đó lại không lấy lại giấy biên nhận tiền đã ký trước đó. Từ lập luận nêu trên có đủ cơ sở để buộc anh Ch chị H có trách nhiệm chung trong việc thanh toán số tiền đã vay 400.000.000 đồng cho anh T. Đối với số tiền 500.000.000 đồng anh Ch vay của anh T là tiền anh Ch ký nhận, không liên quan đến chị H do đó buộc anh Ch có trách nhiệm thanh toán cho anh T. Còn khoản tiền 320.000.000 do anh T đã rút yêu cầu trước khi Tòa án tiến hành kiểm tra chứng cứ và hòa giải nên HĐXX không xem xét quyết định.

Từ căn cứ trên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Anh T. Buộc anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh T khoản tiền 400.000.000 đồng đã vay vào năm 2016. Buộc anh Lê Thành Ch có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay riêng số tiền 500.000.000 đồng cho anh T. Căn cứ Điều 116; Điều 357; Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 320.000.000 đồng, do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Ch, chị H phải chịu án phí của khoản tiền vay chung số tiền 400.000.000 đồng; anh Ch phải chịu khoản tiền án phí 500.000.000 đồng vay riêng theo quy định pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

+ Buộc anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Hoàng Anh T: Số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng)

+ Buộc anh Lê Thành Ch có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Anh T: Số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Hoàng Anh T đề nghị anh Lê Thành Ch chị Trần Thị H phải trả khoản tiền 320.000.000 đồng, do anh Hoàng Anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí:

+ Anh Lê Thành Ch và chị Trần Thị H phải liên đới chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo phần mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

+ Anh Lê Thành Ch phải chịu án phí của khoản tiền vay riêng, số tiền án phí dân sự là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng)

+ Anh Hoàng Anh T không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006338 ngày 17/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phan Ngọc Hà